



PHỤ LỤC SỐ 01 - DANH MỤC CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH TRONG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

(Kèm theo Tờ trình số 01/2024/GE/TTr-HĐQT, ngày 05 tháng 03 năm 2024 của HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực GELEX)

Diễn giải:

- Nội dung gạch chân thể hiện các điểm sửa đổi, bổ sung của Điều lệ mới so với Điều lệ hiện hành.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 1 Khoản 1	Điều 1. Giải thích từ ngữ 1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: h) <i>Công ty liên kết</i> là Công ty trong đó Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết nhưng không phải là công ty con hoặc theo các quy định của pháp luật liên quan. o) [Chưa có định nghĩa về Thành viên độc lập HĐQT]	Điều 1. Giải thích từ ngữ 1.Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: h) <i>Công ty liên kết</i> là Công ty trong đó Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp <u>thông qua các công ty con ít nhất 20% quyền biểu quyết nhưng không phải là công ty con của Công ty hoặc các trường hợp khác theo các quy định của pháp luật liên quan.</u> o) <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020;</u>	Bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và nhu cầu quản trị Công ty
2.	Điều 3	Điều 3. Con dấu của Công ty 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu (hoặc mẫu dấu) chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.	Điều 3. Con dấu của Công ty 1. <u>Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u>	Phù hợp với Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020

		2. Công ty có 01 con dấu. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý, sử dụng, đóng vào các văn bản Công ty phát hành và lưu giữ con dấu tại trụ sở Công ty và chỉ được mang con dấu ra khỏi trụ sở chính khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản.	2. <u>Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u> 3. <u>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật và Quy chế/quy định về việc quản lý và sử dụng dấu mà Công ty ban hành.</u>	
3.	Khoản 1 Điều 5	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty. 1. Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề của Công ty quy định tại Điều lệ này và được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quốc gia.	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty. 1. Công ty được phép <u>kinh doanh các ngành, nghề mà luật không cấm</u> . Các ngành nghề của Công ty được quy định tại Điều lệ này và được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2020.
4.	Khoản 1 Điều 44	Điều 44. Hội đồng quản trị 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 44. Hội đồng quản trị <u>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u>	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 1 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp 2020.
5.	Khoản 2 Điều 44	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng	Sửa đổi thống nhất với quy định pháp luật liên quan và quy định nội bộ

		... p. Trình báo cáo tài chính năm, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông; q. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 65.3 và 65.4 Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. r. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; ...	quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: ... p.Trình báo cáo tài chính năm <u>đã kiểm toán của Công ty</u> lên Đại hội đồng cổ đông; q.Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính <u>hợp nhất</u> gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 65.3 và 65.4 Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. r. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính <u>hợp nhất</u> gần nhất của Công ty; ...	
6.	Khoản 3 Điều 45	Điều 45.Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có (05) năm thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 năm (cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông). Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập	Điều 45.Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có (05) năm thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 năm (cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông). Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng</u>	Đề đáp ứng Điều 276, Nghị định 155/2020/NĐ-CP đảm bảo cơ cấu số lượng Thành viên HĐQT phù hợp khi Công ty trở thành công ty niêm yết. Và phù hợp với Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020

		Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. 2. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo có tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	<u>quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u> 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo có tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, <u>đồng thời phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</u> 6. <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.</u>	
7	Điều 46	Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: - Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác. - Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.	Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: - Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.	Bổ sung cho phù hợp với nhu cầu quản trị khi Công ty trở thành công ty niêm yết và phù hợp Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020

			4. <u>Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.o Điều lệ này.</u> 5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.	
8	Khoản 3 Điều 48	Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị 3. Các cuộc họp bất thường Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; b. Ban kiểm soát; c. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị; d. Các trường hợp khác (nếu có).	Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị 3. Các cuộc họp bất thường Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: 6. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; 7. Ban kiểm soát <u>hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u> 8. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị; 9. Các trường hợp khác (nếu có).	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.
9	Khoản 15 Điều 48	Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị ...	Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị ...	Sửa theo nhu cầu quản trị và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

	15. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản Ngoài việc họp trực tiếp thì Hội đồng quản trị được quyền lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Ý kiến phản hồi bằng văn bản phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và được gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến. Các ý kiến trả lời gồm “đồng ý/phản đối/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người ghi biên bản. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.	15. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản Ngoài việc họp trực tiếp thì Hội đồng quản trị được quyền lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. <u>Văn bản lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích lấy ý kiến; Họ, tên của thành viên HĐQT; Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; Thời hạn phải gửi về Công ty hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; Các nội dung khác (nếu cần thiết); Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</u> Ý kiến phản hồi bằng văn bản phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và được gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản lấy ý kiến. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi văn bản lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức giao trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận phiếu ý kiến của Công ty, gửi thư, fax hoặc thư điện tử. Văn bản lấy ý kiến được gửi về sau thời hạn quy định được coi là không hợp lệ.</u> <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản</u>
--	---	--

			<u>kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; (iii) Số thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết/gửi lại phiếu lấy ý kiến, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu lấy ý kiến hợp lệ và số phiếu biểu quyết/phiếu lấy ý kiến không hợp lệ, kèm theo danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết (nếu cần thiết); (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; (v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; (vi) Các nội dung khác (nếu cần thiết); (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu.</u> <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</u> <u>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u>	
--	--	--	--	--

			<u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u> <u>Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</u>	
10	Khoản 4 Điều 51	3. ...Trường hợp Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. b. <u>Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp.</u>	Bổ sung theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020.
11	Điều 59	Điều 59. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội	Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

	đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. 4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này. 	quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. 2. <u>Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u> 3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 4. Thẩm định <u>tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của</u> báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. 	
--	--	--	--

12	Điều 82	Điều 82. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể Kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau đây: 5. Cất giấu, tẩu tán tài sản; 6. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ; 7. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp; 8. Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể doanh nghiệp; 9. Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản; 10. Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực; 11. Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.	Bỏ Điều 82 cũ và thay bằng Điều 82 mới dưới đây. <u>Điều 82. Thanh lý</u> 1. <u>Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</u> 2. <u>Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác.</u> 3. <u>Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</u> (a) <u>Các chi phí thanh lý;</u> (b) <u>Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao</u>	<u>Quy định để làm rõ thủ tục liên quan thanh lý. Các quy định cấm không được làm tại Điều 82 cũ sẽ căn cứ theo quy định pháp luật từng thời kỳ.</u>
----	---------	--	--	---

			<u>đồng tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</u> (c) <u>Nợ thuế;</u> (d) <u>Các khoản nợ khác của Công ty;</u> <u>Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</u>	
13	Các nội dung khác	-	Được chỉnh sửa chi tiết như dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm trên cơ sở đảm bảo phù hợp quy định pháp luật hiện hành và nhu cầu quản trị của Công ty (<i>Các nội dung sửa đổi, bổ sung để nét chữ mực đỏ trên dự thảo Điều lệ</i>)	